

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đề xuất Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 27/02/2025 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 tổng kết Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định báo cáo tổng kết Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đề xuất Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Giảm nghèo là chủ trương lớn, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta nhằm chăm lo đời sống của một bộ phận Nhân dân còn hết sức khó khăn, trong đó có bộ phận yếu thế là hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Qua mỗi thời kỳ, chủ trương, Nghị quyết của Đảng được ban hành với những nội dung, giải pháp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng thời kỳ, giai đoạn. Trước năm 2015, chuẩn nghèo được đo lường vào thu nhập của hộ tính cho từng thành viên. Từ năm 2016 đến nay, chuẩn nghèo sử dụng kết hợp chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin).

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đánh dấu một bước quan trọng trong đổi mới nhận thức và giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có nội dung quan trọng về xóa đói giảm nghèo. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định nhiệm vụ trọng tâm: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt

Nam”; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII: “*Thực hiện thắng lợi mục tiêu tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm*; Phần đầu đến năm 2030, cơ bản không còn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn... Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, *chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững*, đảm bảo, mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân”.

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới “*Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cụ thể bằng các chính sách, dự án để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin... nhằm thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống, mức độ thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản giữa các tầng lớp và nhóm dân cư.

Chấp hành chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh Bình Định dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đã có nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai cho các cấp ủy, chính quyền các địa phương tổ chức thực hiện các chính sách, dự án, chương trình, đảm bảo mọi người dân có cơ hội tiếp cận được các nguồn lực hỗ trợ Nhà nước, biết cách làm ăn từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững. Qua 05 năm (2021-2025) thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo, các cấp ủy, chính quyền các địa phương của tỉnh Bình Định đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần vào thành công chung trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp

- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (*viết tắt là Ban Chỉ đạo*) được thành lập thống nhất từ 03 chương trình MTQG (Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới), do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

- Giai đoạn từ năm 2021 đến ngày 28/2/2025, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo về Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (nay Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo) đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn cho UBND cấp huyện chủ động, đề xuất triển khai cụ thể từng dự án, chính sách của Chương trình đến được với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ

mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo trong giai đoạn 2021-2025.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo được thực hiện đồng bộ giữa các chương trình, giữa các thành viên Ban Chỉ đạo, trong đó có Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, có sự lồng ghép các nguồn vốn của từng chương trình đối với những nội dung thực hiện trên địa bàn, góp phần nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn kinh phí của các chương trình MTQG, không dàn trải, manh mún, cũng như chồng lấn, trùng các nội dung của Chương trình.

2. Quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) Căn cứ quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, đảm bảo việc thực hiện được thuận lợi, cụ thể:

- Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và trong từng năm.

- Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG, giữa các chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quy định một số nội dung và mức chi kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

b) Căn cứ quy định của Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình MTQG Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thí điểm phân cấp cho huyện An Lão trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025;

- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Kỳ họp thứ 18 (kỳ họp chuyên đề) thống nhất phương án phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG và điều chỉnh chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024 (điều chỉnh kinh phí giữa các dự án trong cùng Chương trình);

- Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024

- Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024.

3. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Hoạt động giám sát, đánh giá

- Hoạt động giám sát, đánh giá của Thường trực HĐND tỉnh:

+ Tổ chức giám sát đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020; tình hình thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội giảm nghèo năm 2021 và đề xuất giải pháp thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 từ ngày 14/4/2022 đến ngày 17/4/2022

+ Tại phiên họp giải trình, chất vấn (lần thứ 6) vào ngày 16/3/2023, Thường trực HĐND tỉnh họp chất vấn công tác triển khai các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh (trong đó có Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững).

+ Tổ chức buổi làm việc với lãnh đạo UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương liên quan đến công tác giảm nghèo vào ngày 25/10/2024.

- Hoạt động giám sát, đánh giá của UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh:

+ Hằng năm, UBND tỉnh ban hành kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành của tỉnh chủ trì theo dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình phối hợp với các địa phương (nơi thụ hưởng dự án) kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nội dung, kế hoạch đã đề ra, đảm bảo đúng quy định về mục tiêu, đối tượng, nội dung của Chương trình.

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG được tổ chức đánh giá định kỳ, quý, năm theo từng lĩnh vực, cấp quản lý, đảm bảo quy định.

+ Các sở, ban, ngành của tỉnh chủ trì các dự án, tiểu dự án của Chương trình, tổ chức các hoạt động giám sát, đánh giá từng dự án, tiểu dự án do cơ quan, đơn vị phụ trách, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoặc báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn tại địa phương.

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức ký kết Chương trình phối hợp số 08/CTrPH-SLĐTBXH-UBMTTQ ngày 03/7/2023 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Qua giám sát, đánh giá, cơ bản thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu, mục tiêu Nghị quyết của HĐND tỉnh đề ra. Ngoài ra, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian đến. Những tồn tại hạn chế đã được các sở, ban, ngành của tỉnh giải trình và triển khai các hoạt động hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2021-2025 đảm bảo, đúng quy định và mang lại hiệu quả của Chương trình.

b) Đối với hoạt động kiểm toán, thanh tra

- Kiểm toán Nhà nước khu vực III kiểm toán về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018;

- Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra giai đoạn 2020 - 2022 về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Những tồn tại, sai phạm trong việc thực hiện được Kiểm toán Nhà nước khu vực III, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ ra và đề nghị thực hiện, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương khắc phục và nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; những sai phạm trong quá trình thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng tại địa phương theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực III.

III. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

1. Kết quả phân bổ và giải ngân nguồn kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025:

a) Tổng kinh phí **871.690 triệu đồng** (nguồn đầu tư phát triển: 399.644 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 472.046 triệu đồng), trong đó:

- Vốn Trung ương hỗ trợ: 773.884 triệu đồng (nguồn đầu tư phát triển: 348.396 triệu đồng, nguồn hỗ trợ sự nghiệp: 425.488 triệu đồng).

- Vốn đối ứng của tỉnh: 97.806 triệu đồng (nguồn đầu tư phát triển: 51.248 triệu đồng, nguồn hỗ trợ sự nghiệp: 46.558 triệu đồng).

b) Tổng kinh phí giải ngân (ước thực hiện đến 31/5/2025): **696.222/871.690** triệu đồng đạt 80% kế hoạch vốn (vốn đầu tư phát triển: 333.314/399.644 triệu đồng, đạt 83,4%; vốn sự nghiệp: 362.907/472.046 triệu đồng, đạt 76,9 %), trong đó:

- Vốn trung ương: 622.755/773.884 triệu đồng, đạt 80,5 % (nguồn vốn đầu tư phát triển: 297.228 triệu đồng; nguồn vốn hỗ trợ sự nghiệp: 325.527 triệu đồng).

- Vốn đối ứng của tỉnh: 73.467/97.806 triệu đồng, đạt 75% (nguồn vốn đầu tư phát triển: 36.086 triệu đồng; nguồn vốn hỗ trợ sự nghiệp: 37.380 triệu đồng).

(Chi tiết có Phụ lục số 5 và Phụ lục số 6 kèm theo)

2. Kết quả cụ thể từng dự án, tiểu dự án

2.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão, kinh phí 332.766 triệu đồng (vốn Trung ương: 294.912 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 37.854 triệu đồng):

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão, kinh phí 215.601 triệu đồng (vốn Trung ương: 191.025 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 24.576 triệu đồng), kết quả:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng: Thực hiện 39 công trình, gồm: Giao thông 11 công trình, thủy lợi 8 công trình, giáo dục 11 công trình, y tế 5 công trình, hạ tầng kỹ thuật 4 công trình (sửa chữa nâng cấp nước sinh hoạt thôn 4, An Vinh; Xây dựng mới hệ thống nước sạch suối nước Bo thôn 2,3,4 xã An Quang; nâng cấp, đầu tư mới một số tuyến điện trên toàn huyện). Ước giải ngân đến năm 2025: 203.850/215.601 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch vốn đã phân bổ (vốn Trung ương: 182.654 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 21.196 triệu đồng). Duy tu các tuyến đường xã, thị trấn trên địa bàn huyện An Lão.

- Năm 2021, bổ sung kinh phí 5.804 triệu đồng cho 03 huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, các huyện đã thực hiện 1.973 triệu đồng, kinh phí còn lại điều chuyển qua Dự án 2 thực hiện trong giai đoạn 2022-2025.

b) Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ huyện nghèo An Lão thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025, kinh phí 111.361 triệu đồng (vốn Trung ương: 98.083 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 13.278 triệu đồng). Thực hiện 03 công trình trọng tâm, trọng điểm tạo kết nối, liên kết vùng (cầu Bến Nhơn, cầu Sông Đĩnh, đường bao quanh thị trấn An Lão), ước giải ngân đến năm 2025: 89.794/111.361 triệu đồng, đạt 81%.

2.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, kinh phí 130.369 triệu đồng (vốn Trung ương: 117.848 triệu đồng; vốn đối ứng của tỉnh: 12.521 triệu đồng) đã thực hiện 315 dự án¹ hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị cho 5.145 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ước giải ngân đến năm 2025: 126.012/130.369 triệu đồng², đạt 96,7%.

2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng, kinh phí 76.102 triệu đồng (vốn Trung ương: 68.204 triệu đồng; đối ứng của tỉnh 7.898 triệu đồng).

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh phí 62.271 triệu đồng (vốn Trung ương: 56.095 triệu đồng; đối ứng của tỉnh: 6.176 triệu đồng).

Tổng số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã thực hiện giai đoạn 2021-2025: 276 dự án (gồm 27 dự án trồng trọt, 241 dự án chăn nuôi và 08 dự án lâm nghiệp, thủy sản)

¹ Giai đoạn 2021-2024: Thực hiện 225 dự án phát triển sản xuất: 137 dự án chăn nuôi bò; 35 dự án chăn nuôi heo; 27 dự án chăn nuôi gà; 06 dự án trâu cái giống; 01 hỗ trợ lưới đánh bắt thủy sản; 08 dự án ngành nghề phi nông nghiệp; 03 dự án liên kết sản xuất chăn nuôi bò thịt chất lượng cao và dự án đương quy, địa hoàng.

² Năm 2024 điều chỉnh giảm dự toán của Tiểu dự án 1, Dự án 4 để bổ sung cho Dự án 2 là 16.666 triệu đồng, thực hiện theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội.

cho 3.150 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, kinh phí ước giải ngân đến năm 2025: 51.874/62.271 triệu đồng, đạt 83,3%.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng, kinh phí 13.381 triệu đồng (vốn Trung ương: 12.109 triệu đồng; đối ứng của tỉnh: 1.272 triệu đồng), Sở Y tế phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện đã đạt được một số chỉ tiêu như sau:

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi cho 10.578 bà mẹ và 1.298 phụ nữ mang thai; Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng trong đó có 16.771 trẻ 5 tuổi được bổ sung vitamin A, 8.562 trẻ dưới 16 tuổi bổ sung đa vi chất dinh dưỡng, 8.939 trẻ dưới 16 tuổi bổ sung vi chất sắt và 908 phụ nữ có thai được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

- Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính 09 trẻ em tại cộng đồng; tổ chức tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai: 237 trẻ.

- Tổ chức các buổi tư vấn cho 3.280 người, thực hành dinh dưỡng cho 1.570 người, nói chuyện chuyên đề cho 1.000 người, đối tượng phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú thuộc đối tượng thụ hưởng Chương trình, để truyền thông tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và nuôi con bằng sữa mẹ và cho ăn bổ sung. Tổ chức tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học cho 4.774 trẻ em dưới 16 tuổi. Tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng hàng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai trên địa bàn huyện nghèo, trong giai đoạn số trẻ được cân, đo là 109.459 trẻ.

- Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp tại cộng đồng. Tiến hành mua sắm, in ấn 11.771 tài liệu chuyên môn, 536 cân, 402 thước đo, 78 bộ dụng cụ thực hành dinh dưỡng, 15.160 tài liệu truyền thông phục vụ cho Chương trình.

- Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em: Tiến hành tổ chức 67 lớp tập huấn cho 2.708 đối tượng làm công tác giảm nghèo trên toàn tỉnh.

Kinh phí ước giải ngân 9.876 triệu đồng (vốn Trung ương: 8.610 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 1.266 triệu đồng).

2.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, kinh phí 266.928 triệu đồng (nguồn Trung ương: 234.323 triệu đồng, nguồn đối ứng của tỉnh: 32.606 triệu đồng), cụ thể như sau:

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn, kinh phí 218.921 triệu đồng (nguồn Trung ương: 191.734 triệu đồng, nguồn đối ứng của tỉnh: 27.187 triệu đồng), kết quả đã thực hiện:

- Phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư, kinh phí: 87.917 triệu đồng (vốn Trung ương: 72.982 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 14.935 triệu đồng).

Các trường: Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn (45.357 triệu đồng) thực hiện mục mua sắm thiết bị đào tạo cho 07 nghề trọng điểm (Cơ điện tử, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Hàn, Cắt gọt kim loại, Công nghệ thông tin, Công nghệ ô tô); Cao đẳng Y tế Bình Định (42.560 triệu đồng) thực hiện mua sắm trang thiết bị đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược và Kỹ thuật xét nghiệm Y học. Kinh phí giải ngân của các trường được 62.353/89.917 triệu đồng, đạt 71% kế hoạch vốn.

- Phân bổ vốn hỗ trợ sự nghiệp, kinh phí: 41.847 triệu đồng, cụ thể:

+ Các Trường Cao đẳng, kinh phí 41.847 triệu đồng (Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn: 22.156 triệu đồng; Cao đẳng Y tế Bình Định: 19.691 triệu đồng), hiện nay trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn đang thực hiện mua sắm trang thiết bị dạy nghề cho các nghề trọng điểm: Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Điện tử công nghiệp, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Hàn, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô và thực hiện Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện tử công nghiệp, đồng thời đã giải ngân kinh phí 24.529 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân 59% kế hoạch.

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Giáo dục và Đào tạo), kinh phí 6.989,605 triệu đồng: phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh; tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn tỉnh; lồng ghép chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để xây dựng Phần mềm tin học để nhập tin và xử lý, tổng hợp số liệu điều tra thống kê; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với số lượng 31 nghề, trình UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 4552/QĐ-UBND ngày 31/12/2024. Đã giải ngân khoảng 4.763 triệu đồng, kinh phí còn lại 2.226 triệu đồng (năm 2024 chuyển nguồn là 411,6 triệu đồng; năm 2025 là 1.815 triệu đồng) sẽ giải ngân cuối năm 2025.

+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định (nay là Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bình Định tại Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh) được bổ sung vốn chuyển nguồn năm 2022 - 2023 thực hiện năm 2024 là 1.937 triệu đồng. Trung tâm đã tổ chức thực hiện đấu thầu, mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề, giải ngân 78,993 triệu đồng. Kinh phí còn lại chuyển sang 2025 tiếp tục thực hiện.

Tuy nhiên, thực hiện Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thì Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định không còn là cơ sở giáo dục nghề nghiệp vì đã đổi tên tại Quyết định số 1111/QĐ-UBND, do đó kinh phí còn lại chưa triển khai thực hiện.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 68.539 triệu đồng. Đến nay, các địa phương thực hiện lồng ghép với Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, tổ chức 140 lớp đào tạo nghề cho 4.000 người lao động trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đào tạo nghề cho 3.000 lao động đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Kinh phí ước giải ngân năm 2025: 42.334 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, kinh phí 2.720 triệu đồng, cụ thể:

- Bộ trí huyện An Lão, kinh phí 2.529 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ các chi phí cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đến thời điểm báo huyện đã tiếp nhận trên 15 hồ sơ đề nghị hỗ trợ của người lao động ước thực hiện 762 triệu đồng.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) 191 triệu đồng đã chính qua Tiểu dự án 2, Dự án 4 cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững, kinh phí 45.287 triệu đồng (vốn Trung ương: 40.178 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 5.110 triệu đồng), kết quả:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ), kinh phí 828 triệu đồng (vốn Trung ương: 755 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 73 triệu đồng) đã tổ chức hội nghị tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động phục vụ công tác quản lý lao động gắn cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. In 1.700 cuốn sổ tay hướng dẫn hướng dẫn nghiệp vụ thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động phục vụ công tác quản lý lao động gắn cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ước giải ngân năm 2025: 111 triệu đồng.

- Trung tâm Dịch vụ việc làm, kinh phí 17.024 triệu đồng (vốn Trung ương: 14.804 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 2.220 triệu đồng). Hiện nay, trung tâm đang thực hiện đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và xây dựng phần mềm thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động và thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu người tìm việc - việc tìm người; Hỗ trợ giao dịch việc làm; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công, ước giải ngân 7.607 triệu đồng.

- Sở Nội vụ nhiệm vụ chuyển từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về, bố trí kinh phí năm 2025 là 828 triệu đồng, ước giải ngân năm 2025 là 213 triệu đồng.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 27.132 triệu đồng (vốn Trung ương: 24.355 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 2.777 triệu đồng). Hiện tại, các địa phương đang triển khai công tác thu thập, cập nhật, chỉnh sửa tổng hợp thông tin về người lao động phục vụ công tác quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn và tiến hành giải ngân theo quy định. Ước giải ngân năm 2025: 18,126 triệu đồng.

2.5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo (An Lão), kinh phí 14.335 triệu đồng (vốn Trung ương: 12.560 triệu đồng, vốn đối ứng

của tỉnh: 1.775 triệu đồng). Thực hiện 385 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (xây mới: 300 hộ; sửa chữa: 185 hộ), kinh phí thực hiện 11.305 triệu đồng.

2.6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, kinh phí 15.910 triệu đồng (vốn Trung ương: 14.094 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 1.816 triệu đồng), trong đó:

a) Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin, kinh phí 7.587 triệu đồng (vốn Trung ương: 6.648 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 939 triệu đồng), Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ), UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Tổ chức Hội nghị tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông trong thời gian 05 ngày cho 159 đối tượng là Trưởng Đài truyền thanh hoặc cán bộ phụ trách Đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Các huyện, thị xã, thành phố tập huấn bồi dưỡng cho 4.304 cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo về thông tin.

+ Số điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo cung cấp dịch vụ thông tin công cộng: 18/23 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo; 04 điểm còn lại đã được hỗ trợ từ Chương trình viễn thông công ích; 01 điểm thuộc xã nông thôn mới). Bình quân mỗi tháng đã ghi nhận khoảng 440 người dân đến các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng để sử dụng dịch vụ, đọc báo, sản phẩm truyền thông và khoảng 180 người truy cập internet.

+ Đầu tư xây dựng 08 Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông xã Ân Sơn, Bok Tới và Đak Mang huyện Hoài Ân, các xã An Nghĩa, An Quang, An Vinh, An Trung và An Dũng huyện An Lão; mở rộng hệ thống 06 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông của Đài truyền thanh xã An Hưng, huyện An Lão; 05 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông cho Đài truyền thanh xã Vĩnh Thuận (03 cụm) và Vĩnh Hòa (02 cụm).

+ Số xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo được tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội: 22 xã³ và 01 xã đảo.

Kinh phí ước giải ngân năm 2025: 5.958 triệu đồng (vốn Trung ương: 5.265 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 693 triệu đồng).

b) Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo, kinh phí 8.323 triệu đồng (vốn Trung ương: 7.446 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 877 triệu đồng), trong đó:

³ Tỉnh Bình Định có 22 xã đặc biệt khó khăn được phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, hiện nay còn 21 xã ĐBKK do xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023.

- Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay Sở Nông nghiệp và Môi trường), kinh phí 1.586 triệu đồng (vốn trung ương: 1.349 triệu đồng; vốn đối ứng của tỉnh: 237 triệu đồng): Phối hợp với các cơ quan truyền thông (báo, tạp chí, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định) triển khai các hoạt động tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều bền vững, tuyên truyền kết quả thực hiện giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo giai đoạn 2024-2025; xây dựng 08 cụm pa nô tuyên truyền về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; tổ chức Hội nghị sơ kết Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và Hội nghị sơ kết giữa kỳ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023 và triển khai công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024-2025. Hội nghị đã có sự tham gia của gần 600 đại biểu là người làm công tác giảm nghèo các cấp, qua 02 Hội nghị sơ kết, UBND tỉnh đã có khen thưởng cho 21 tập thể và 27 cá nhân có nhiều thành tích trong công tác giảm nghèo, thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau” và một số cá nhân, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo (có 7 cá nhân là hộ nghèo lao động sản xuất vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ gia đình sản xuất giỏi). Kinh phí ước giải ngân: 1.408 triệu đồng, đạt 88% kế hoạch vốn phân bổ.

- Các Hội đoàn thể của tỉnh: Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh, Tỉnh đoàn kinh phí được phân bổ 1.072 triệu đồng (vốn Trung ương: 983 triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh: 89 triệu đồng). Đã thực hiện các hoạt động truyền thông về giảm nghèo qua hình thức: Sân khấu hóa, trao đổi, đối thoại chính sách, tập huấn truyền thông cho hội, đoàn viên cơ sở để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác giảm nghèo. Kinh phí ước giải ngân 1.003 triệu đồng, đạt 93,5% kế hoạch vốn phân bổ.

- Sở Y tế, kinh phí phân bổ 287 triệu đồng đã thực hiện hoạt động truyền thông trong lĩnh vực cải thiện dinh dưỡng cho các đối tượng thụ hưởng của Chương trình, kinh phí ước giải ngân 194 triệu đồng.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 5.378 triệu đồng (vốn Trung ương: 4.864 triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh: 514 triệu đồng).

Đã tổ chức thông tin, tuyên truyền về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 thông qua việc xây dựng các bản tin, đài tuyên truyền tại địa phương; in tờ rơi, xây dựng 25 pano tại các tuyến đường chính trên địa bàn cấp huyện, cấp xã (Tuy Phước 03, Phù Cát 05, Phù Mỹ 02, Hoài Ân, 02, An Nhơn, 02 Vĩnh Thạnh 07, Hoài Nhơn 04). Kinh phí ước giải ngân 4.572 triệu đồng.

2.7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, kinh phí 35.280 triệu đồng (vốn Trung ương: 31.943 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 3.337 triệu đồng), trong đó:

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực, kinh phí 23.044 (vốn Trung ương: 20.873 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 2.171 triệu đồng), trong đó:

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, kinh phí 5.795 triệu đồng, đã tổ chức tập huấn các lớp, nâng cao năng lực làm công tác giảm nghèo 50 lớp tập huấn cho 5.800 lượt cán bộ

làm công tác giảm nghèo các cấp, trong đó có 4.500 lượt cán bộ cấp xã (lãnh đạo UBND cấp xã, các Phòng, ban chuyên môn của xã tham gia các dự án của Chương trình). Nội dung tập huấn liên quan đến các chính sách, dự án về giảm nghèo trong giai đoạn 2021-2025; nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn của người làm công tác giảm nghèo cấp xã. Kinh phí giải ngân 4.458 triệu đồng.

- Phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 17.249 triệu đồng (vốn Trung ương: 15.731 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 1.518 triệu đồng): UBND các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai thực hiện hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn/khu phố. Nội dung tập huấn liên quan đến các dự án, chính sách hỗ trợ của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Kinh phí giải ngân 12.369 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, kinh phí 12.236 triệu đồng (vốn Trung ương: 11.070 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 1.166 triệu đồng), trong đó:

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, kinh phí 2.969 triệu đồng (vốn Trung ương: 2.634 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 335 triệu đồng): Thực hiện hoạt động giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; thực hiện tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình hằng năm cho 1.000 lượt cán bộ làm công tác cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (quy trình, bộ công cụ, phiếu rà soát theo Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh). Kinh phí giải ngân 1.734 triệu đồng.

- Phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí 9.267 triệu đồng (vốn Trung ương: 8.436 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 831 triệu đồng), kết quả:

Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn. Từng cơ quan, cấp xã thụ hưởng dự án thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025.

Thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình hằng năm, trong đó: Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, phiếu rà soát cho các rà soát viên; tổ chức rà soát thực tế tại địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình hằng năm theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025.

Kinh phí ước giải ngân 5.993 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện mục tiêu đưa huyện nghèo An Lão thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025; ngày 13/4/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND triển khai thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg đối với huyện An Lão. Đến nay, qua đánh giá kết quả đạt được chỉ tiêu:

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm bình quân 11,6%/năm so với kế hoạch trên 9%/năm, đạt và vượt kế hoạch đề ra;

- Cuối năm 2025 có 05 xã, thị trấn (gồm An Trung, An Quang, An Hưng, An Dũng và thị trấn An Lão) thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện An Lão thành viên trong độ tuổi lao động được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng, tạo việc làm và tham gia các dự án phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện An Lão đạt 40 triệu đồng/người/năm, trong đó thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo tăng 1,8 lần so với năm 2020;

- 100% các xã trên địa bàn huyện được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản được hỗ trợ để tiếp cận và cải thiện; 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng thực hiện chính sách, dự án của Chương trình.

- Trong giai đoạn 2021-2025, UBND huyện An Lão thực hiện 39 công trình đầu tư mang tính kết nối vùng, trong đó có 02 danh mục công trình (cầu Sông Đình, cầu Bến Nhơn) hỗ trợ cho huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025. Cuối năm 2024, công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đảm bảo việc đi lại giữa các xã, thị trấn trên địa bàn huyện An Lão, nhất vào những ngày mưa lũ vẫn đi lại thông suốt.

4. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo thường xuyên

- Chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế (BHYT): Tính đến hết ngày 31/5/2025, đã gia hạn, cấp 635.098 thẻ BHYT, trong đó: Người thuộc hộ nghèo 182.765 thẻ; đồng bào DTTS 90.473 thẻ; người dân sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo 145.183 thẻ; hộ cận nghèo 145.637 thẻ; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình 71.040 thẻ. Chính sách trợ giúp thẻ BHYT cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân sinh sống tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, người có mức sống trung bình... thuận lợi trong việc cấp, phát thẻ, đảm bảo việc khám chữa bệnh của người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo: Thực hiện hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính

phủ cho hơn 100.000 trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông con hộ nghèo hộ cận nghèo được hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập với nguồn kinh phí hỗ trợ 371.094 triệu đồng; hỗ trợ tiền ăn trưa bán trú, mua sắm công cụ học tập cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số, người khuyết tật với 40.000 người học, kinh phí 140.916 triệu đồng.

Việc hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa giúp cho con em hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn có cơ hội được tiếp cận giáo dục và đào tạo được tốt hơn, giảm thiểu khó khăn cho con em của các đối tượng khi tham gia giáo dục và đào tạo phổ thông.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện: Thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 91.199 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có lượng tiêu thụ điện dưới 50kwh/hộ/tháng và hộ chính sách xã hội ở vùng chưa có điện lưới, kinh phí thực hiện 59.620 triệu đồng. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội giảm thiểu khó khăn cho các đối tượng trong việc thực hiện chi trả tiền điện.

- Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi: Từ năm 2021 đến 31/5/2025, tổng nguồn vốn đạt 9.447 tỷ đồng, tăng 3.157 tỷ đồng so với 31/12/2020. Trong đó: Nguồn vốn cân đối từ Trung ương đạt 5.472 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 73,2% tổng nguồn vốn, tăng 1.931 tỷ đồng so với 31/12/2020. Nguồn vốn huy động từ tổ chức, cá nhân và tiền gửi thông qua tổ TK&VV đạt 984 tỷ đồng, tăng 455 tỷ đồng so với 31/12/2020, chiếm tỷ trọng 13,2% trong tổng nguồn vốn. Vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương đạt 1.017 tỷ đồng (ngân sách tỉnh là 804 tỷ đồng, ngân sách huyện, thị xã, thành phố là 213 tỷ đồng), tăng 771 tỷ đồng (+313%) chiếm tỷ trọng 13,6% trong tổng nguồn vốn, so với 31/12/2020.

Đến ngày 31/5/2025, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách xã hội đạt 7.603 tỷ đồng, tăng 3.152 tỷ đồng so với 31/12/2020, với hơn 108 nghìn hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ;... Vốn tín dụng chính sách xã hội được thực hiện tại 155/155 xã, phường, thị trấn, 1.116 thôn, làng, khu phố; đã thu hút, tạo việc làm cho hơn 74 nghìn lao động (639 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài); tạo điều kiện cho gần 15 nghìn học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập; xây dựng hơn 104 nghìn công trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn; 3.049 hộ gia đình tại vùng khó khăn vay vốn sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập nhằm cải thiện cuộc sống từng bước vươn lên thoát nghèo; hỗ trợ xây dựng 1.545 căn nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ xây dựng 1.109 căn nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn xây mới, sửa chữa nhà để ở...

Cùng với các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng khác, chính sách hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo nhằm tạo cơ hội tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập, từng bước vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chính sách tín dụng ưu đãi đã cung cấp vốn đầy đủ

cho hộ dân thuộc đối tượng được hỗ trợ theo nhu cầu và điều kiện khi tham gia vay vốn tín dụng ưu đãi.

IV. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá việc thiết kế Chương trình

a) Đánh giá mục tiêu: Tính phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội; mục tiêu giảm nghèo

Cơ bản các tiêu của Chương trình, từng dự án, tiểu dự án đảm bảo phù hợp với tính chất mức độ, khả năng thực hiện của các cơ quan, đơn vị chủ trì dự án thành phần của Chương trình.

Mục tiêu giảm nghèo ban hành có sự tham gia của địa phương vì vậy, cơ bản bảo đảm việc thực hiện của địa phương.

b) Về số lượng dự án, tiểu dự án: Chương trình ban hành các dự án cơ bản phù hợp, đảm bảo việc thực hiện theo từng nội dung của dự án, tiểu dự án.

c) Về nội dung, đối tượng hỗ trợ: Phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

d) Về công tác chỉ đạo, điều hành: Đã có sự thống nhất trong chỉ đạo của các Chương trình MTQG từ Trung ương đến cơ sở.

đ) Về cơ chế tổ chức thực hiện: Phù hợp với tình hình thực hiện tại địa phương, có sự phân cấp, phân quyền trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

2. Đánh giá công tác quản lý Chương trình

Đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG chỉ đạo, điều hành quản lý Chương trình. Công tác phối hợp, triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

Giai đoạn từ năm 2021 đến ngày 28/2/2025, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo về Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; từ ngày 01/3/2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan Thường trực Chương trình) tiếp thực hiện các nhiệm vụ được giao của Chương trình, đảm bảo Chương trình hoạt động thông suốt và hiệu quả.

3. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

a) Đánh giá công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn và sử dụng ngân sách trung ương, địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày

03/8/2022) và trên cơ sở nguồn vốn phân bổ của Trung ương trong trung hạn, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan, đề xuất bố trí nguồn kinh phí đối ứng của địa phương đảm bảo quy định tối thiểu 15% vốn trung ương phân bổ trung hạn và hằng năm.

Căn cứ quy định về tỷ lệ vốn giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thụ hưởng, UBND tỉnh phân bổ trực tiếp cho các chủ trì dự án và UBND cấp huyện để quản lý và thực hiện.

Căn cứ quy định của pháp luật, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các dự án thành phần đảm bảo theo mục tiêu, đối tượng, nội dung của Chương trình.

b) Đánh giá việc lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình MTQG (Nông thôn mới, Dân tộc thiểu số và miền núi) để thực hiện các dự án thành phần của Chương trình.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nguồn vốn được phân bổ (cả 03 Chương trình), khi thực hiện đã lồng ghép nguồn vốn để thực hiện đạt mục tiêu, hiệu quả của nguồn vốn, như: Các công trình đầu tư trên địa bàn huyện nghèo đã lồng ghép các nguồn vốn giảm nghèo bền vững và dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện các công trình đường, thủy lợi phù hợp với điều kiện của từng địa phương, cộng đồng được hưởng lợi. Các lớp đào tạo nghề được lồng ghép các nguồn vốn giảm nghèo bền vững, nông thôn mới để tổ chức đào tạo nghề.

c) Huy động nguồn lực khác thực hiện Chương trình

Ngoài nguồn kinh phí của Trung ương của tỉnh, các địa phương đã huy động thêm nguồn lực từ vay vốn Ngân hàng CSXH, doanh nghiệp để thực hiện các dự án, nhất là dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

d) Đánh giá thuận lợi, khó khăn: Cơ bản Chương trình ban hành đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho địa phương thụ hưởng, đảm bảo đối tượng hưởng lợi được tiếp cận nguồn vốn và từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững.

4. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

4.1. Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể

a) Năm 2021, thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo 02 chuẩn nghèo

- Chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020: Toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo 3,13% với 3.734 hộ, giảm 0,98% với 4.246 hộ nghèo thoát nghèo.

Huyện nghèo An Lão tỷ lệ hộ nghèo 22,11% với 2.027 hộ nghèo, giảm 6,02% với 506 hộ nghèo thoát nghèo.

- Chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025: Toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đầu kỳ 5,78% với 25.321 hộ nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo 5,56% với 24.385 hộ cận nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số 37,85% với 8.802 hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- Huyện nghèo An Lão tỷ lệ hộ nghèo 36,13% (3.313 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo 19,2% (1.760 hộ).

b) Năm 2022

- Toàn tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo còn 4,5% với 19.805 hộ nghèo, giảm 1,28% so với năm 2021, đã có 5.516 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo còn 4,54% với 20.022 hộ cận nghèo, giảm 1,02%, đã có 4.363 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 34,75% với 6.883 hộ nghèo dân tộc thiểu số, giảm 3,1% so với năm 2021, đã có 1.919 hộ nghèo dân tộc thiểu số thoát nghèo.

- Huyện nghèo An Lão tỷ lệ hộ nghèo còn 29,8% với 2.829 hộ nghèo, giảm 6,33% so với năm 2021, đã có 484 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo còn 13,67% với 1.298 hộ cận nghèo, giảm 5,52%, đã có 462 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

c) Năm 2023

- Toàn tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo còn 3,13% với 13.834 hộ nghèo, giảm 1,37%/năm so với năm 2022, đã có 5.971 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo còn 3,02% với 13.326 hộ cận nghèo, giảm 1,52%, đã có 6.696 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 31,54% với 4.363 hộ nghèo dân tộc thiểu số, giảm 3,2% so với năm 2022, đã có 2.520 hộ nghèo dân tộc thiểu số thoát nghèo.

- Huyện nghèo An Lão tỷ lệ hộ nghèo còn 21,69% với 2.083 hộ, giảm 8,11% so với năm 2022 với 746 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo còn 8,06% với 774 hộ cận nghèo, giảm 5,61% so với năm 2022, đã có 524 hộ cận nghèo thoát nghèo.

d) Năm 2024

- Toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo còn 1,01% với 4.517 hộ, giảm 2,12% so với năm 2023, đã có 9.317 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo 2,18% với 9.704 hộ cận nghèo, giảm 0,84% so với năm 2023, đã có 3.266 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 28,32% với 1.945 hộ, giảm 3,23%, đã có 2.418 hộ nghèo dân tộc thiểu số thoát nghèo

Huyện nghèo An Lão tỷ lệ hộ nghèo còn 8,42% với 821 hộ nghèo, giảm 13,27% so với năm 2023, đã có 1.262 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo còn 5,51% với 537 hộ cận nghèo, giảm 2,55% so với năm 2023, đã có 237 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

d) Dự kiến năm 2025

- Toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo còn 0,62% với 2.775 hộ, giảm 0,39% so với năm 2024, đã có 1.742 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo 1,1% với 4.906 hộ cận nghèo, giảm 1,08% so với năm 2024, đã có 4.798 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 24,5% với 702 hộ, giảm 3,02%, đã có 1.243 hộ nghèo dân tộc thiểu số thoát nghèo

Huyện nghèo An Lão tỷ lệ hộ nghèo còn 5,38% với 525 hộ nghèo, giảm 3,04% so với năm 2024, đã có 296 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo còn 3,55% với 346 hộ cận nghèo, giảm 1,96% so với năm 2023, đã có 191 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

đ) Đánh giá kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025

- Toàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,23%/năm, đã có 26.792 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm bình quân 1,06%/năm, đã có 18.509 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân 3,34%/năm, đã có 8.122 hộ nghèo dân tộc thiểu số thoát nghèo.

- Huyện An Lão, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 7,28%/năm, đã có 3.274 hộ nghèo thoát nghèo; tỷ lệ giảm hộ cận nghèo bình quân 3,9%/năm, đã có 1.363 hộ cận nghèo thoát cận nghèo.

e) Đánh giá mục tiêu phấn đấu theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XX Đảng bộ tỉnh

Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Bình Định đến cuối năm 2024 còn 1,01%, dự kiến cuối năm 2025 còn 0,62% thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung so với cả nước dự kiến còn 0,93%. Đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ đưa tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh đến cuối nhiệm kỳ 2020-2025 thấp hơn bình quân chung của cả nước.

4.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các chiều dịch vụ xã hội cơ bản

a) Chiều thiếu hụt về việc làm

- Giải quyết việc làm cho 150.687 người (trên 5.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo), tỷ lệ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

b) Chiều thiếu hụt về y tế

- Hỗ trợ 691.603 người được cấp thẻ BHYT, tỷ lệ 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;

- Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em lứa tuổi học đường từ 5 đến dưới 16 tuổi từ 21,5% năm 2022, ước thực hiện còn 15,12% năm 2025.

c) Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 95%.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 30%; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp đạt 100%.

d) Chiều thiếu hụt về nhà ở

Số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở: 385 hộ (xây mới: 300 hộ, sửa chữa nhà ở: 85 hộ).

đ) Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%
- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh trên 60%.

e) Chiều thiếu hụt về thông tin

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet trên 90%.

- Tỷ lệ các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông, đạt 100%.

5. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

a) Thu nhập bình quân hộ nghèo tăng gấp 2 lần so với đầu kỳ

b) Tốc độ tăng trưởng, giá trị gia tăng trên 7,5%/năm

c) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh cũng có xu hướng tích cực với việc tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,04%; công nghiệp - xây dựng tăng 10,46%, dịch vụ tăng 8,71% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,95%..

d) Tỷ lệ lao động qua đào tạo, lao động 62,76%.

6. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi

a) Các dự án đã sự tham gia của các đối tượng hưởng lợi (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo) trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện dự án, nhất là các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư các công trình có quy mô nhỏ phù hợp với nhóm cộng đồng được hưởng lợi.

b) Dự án mang lại cho hộ dân hưởng lợi của hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số khá lớn, nhất là các dự án phát triển sản xuất, một số dự án chăn nuôi bò hộ dân được hưởng lợi cao, vì vậy khi kết thúc dự án, hộ nghèo, hộ cận nghèo yên tâm thoát nghèo.

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2024/QH15

1. Thí điểm phân cấp cho huyện An Lão trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2024 – 2025.

2. Điều chỉnh vốn từ các dự án thành phần không còn đối tượng hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung cho các dự án thành phần khác.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết về điều chỉnh vốn từ các dự án thành phần không còn đối tượng hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung cho các dự

án thành phần khác theo quy định tại khoản 2 Điều 4, cụ thể: Điều chỉnh 18.780,9 triệu đồng từ Dự án 4, Dự án 7 sang thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 1 Dự án 3⁴.

3. Ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất: Đã ban hành mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục hồ sơ để thực hiện các dự án phát triển sản xuất⁵.

4. Ủy thác vốn của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội. UBND tỉnh đã có văn bản triển khai thực hiện⁶.

VI. KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung

1.1. Kết quả đạt được

- Các Bộ, ngành Trung ương đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, từ đó giúp cho tỉnh Bình Định có thể chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Việc xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình của tỉnh đảm bảo theo yêu cầu của Trung ương về mục tiêu, đối tượng, nội dung; Việc phân bổ kinh phí thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình đảm bảo theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Sự quan tâm, đồng lòng và sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh là điều kiện tiên quyết giúp cho việc triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn. Bên cạnh đó, từng cấp, ngành của tỉnh đã chủ động đề xuất, bố trí kinh phí đối ứng của địa phương với nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương nhằm đảm bảo quy định tỷ lệ vốn đối ứng trong việc thực hiện dự án, tiểu dự án của Chương trình.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo về các dự án, chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn trong giai đoạn 2021-2025 để các tầng lớp Nhân dân biết và thực hiện đầy đủ, đúng quy định về thực hiện dự án, chính sách giảm nghèo; phát động Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025 và huy động nguồn lực ngoài ngân sách chăm lo đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Cơ bản việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025 đã được các cấp, các ngành và địa phương của tỉnh Bình Định, ước thực hiện đến hết năm 2025 đạt theo kế hoạch đề ra, tỷ lệ giảm hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm 1,23%/năm, riêng huyện nghèo An Lão giảm 7,28%/năm; các chính sách, dự án giảm nghèo đã thực hiện kịp thời đầy đủ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, việc làm, xuất khẩu lao động, tiền điện... cơ sở hạ tầng tại

⁴ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh

⁵ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh.

⁶ Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh

huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc huyện nghèo tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng. Năm 2025, huyện nghèo An Lão thoát huyện nghèo giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho Nhân dân, cán bộ, đảng viên cơ sở được thực hiện thường xuyên, nhất là tại vùng nghèo, vùng khó khăn. Hầu hết người dân tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững, bản thân người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày càng có ý thức nỗ lực vươn lên thoát nghèo, không trông chờ ỷ lại và sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

1.2. Khó khăn

Đến thời điểm này, cơ bản những khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình đã được tháo gỡ. Tuy nhiên, hiện nay nội dung quy định về chuẩn đầu ra trình độ sơ cấp theo hướng dẫn tại Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 quy định “giao người đứng đầu cơ sở đào tạo sơ cấp quyết định xây dựng, thẩm định ban hành Quy định chuẩn đầu ra” trái với Khoản 4 Điều 34 Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp;...”; đồng thời, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên chưa được xem là đối tượng thụ hưởng của Chương trình, liên quan đến việc triển khai thực hiện từ đầu giai đoạn 2021-2025.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối giai đoạn 2021-2025, phần lớn người cao tuổi, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội việc thoát nghèo hết sức khó khăn.

1.3. Nguyên nhân

Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo có lao động nhưng có mức thu nhập dưới chuẩn nghèo trong giai đoạn 2021-2025 thông qua các dự án hỗ trợ, chính sách trợ giúp của Đảng, Nhà nước đã từng bước vươn lên thoát nghèo; cuối giai đoạn, phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo rơi vào nhóm đối tượng bảo trợ xã hội (cao tuổi, neo đơn, khuyết tật...), khả năng thoát nghèo hết sức khó khăn.

2. Bài học kinh nghiệm

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo

- Cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu về công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư đã được Chính phủ ban hành tại Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 và UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 để tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân về công tác giảm nghèo bền vững, xác định giảm nghèo góp phần quan trọng tạo động lực cho phát triển bền vững chung toàn tỉnh;

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo về các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững và đối với những hộ nghèo, cận nghèo có điều kiện tốt, vận động tuyên truyền đăng ký tham gia thoát nghèo.

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và Hội đoàn thể các cấp

- Cấp ủy, chính quyền ở từng địa phương phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách triển khai trên địa bàn và đánh giá kết quả thực hiện theo các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Tăng cường vai trò chủ động của cấp xã, cộng đồng thôn trong việc lựa chọn, đề xuất các công trình được đầu tư gắn với nhu cầu thiết yếu của người dân, địa phương, không dàn trải, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được đầu tư. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để người dân tham gia thi công, quản lý, giám sát đầu tư, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện vai trò giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện dự án, chính sách của các cấp chính quyền. Huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có cơ hội tiếp cận, phát triển sản xuất, từng bước thoát nghèo. Kịp thời phát hiện, phản ánh chính quyền các cấp về những tồn tại vướng mắc trong quá trình thực hiện các chính sách, dự án của Chương trình.

c) Huy động vốn, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình

Ngân sách Trung ương giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương đảm bảo tỷ lệ vốn góp, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Người dân, đối tượng thụ hưởng khi tham gia dự án cùng tham gia đóng góp vốn đối ứng bằng tiền, hiện vật, ngày công để tăng tính trách nhiệm, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

- Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách của Chương trình. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát tổ chức thực hiện chương trình.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng xây dựng, hình thành, nhân rộng và phát triển dự án mô hình giảm nghèo nông nghiệp, phi nông nghiệp, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế cho người nghèo. Đảm bảo hiệu quả, đúng mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.... Khuyến khích thực hiện hỗ trợ dự án theo hình thức tổ nhóm do người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự nguyện tham gia, có đối ứng dự án (tiền, hiện vật, ngày công ...). Có cơ chế thu hồi, luân chuyển

một phần kinh phí của Nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

VII. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Để thực hiện đồng bộ, thống nhất, dự án đến được với các đối tượng của Chương trình, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định kiến nghị, đề xuất như sau:

- Quốc hội sớm có chủ trương về Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ cho một bộ phận yếu thế hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động có thu nhập thấp trong giai đoạn 2026-2030;

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm quy định chuẩn nghèo và người lao động có thu nhập thấp cho giai đoạn 2026-2030 thay thế Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 và Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho từng thời kỳ; kịp thời ban hành chính sách, dự án nhằm hỗ trợ cho nhóm đối tượng yếu thế để đảm bảo an sinh xã hội trong giai đoạn 2026-2030.

Phần II

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Căn cứ chính trị - pháp lý, thực tiễn đề xuất từng dự án, tiểu dự án

- Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Công văn số 380/TTg-KTTH ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030;

- Quyết định số 134/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;

- Kết quả thực hiện và giải ngân nguồn vốn Chương trình giai đoạn 2021-2025 (tính đến ngày 31/05/2025).

2. Mục tiêu, đối tượng, nội dung, kinh phí của từng dự án, tiểu dự án

2.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; hộ làm kinh tế giỏi; tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 162.301,2 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 117.361 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 17.604,2 triệu đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 27.336 triệu đồng.

2.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất

2.2.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; hộ làm kinh tế giỏi; tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyên giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 69.189,7 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 52.848 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 7.927,4 triệu đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 8.414,3 triệu đồng.

2.2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 18.625,2 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 14.327 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 2.149,1 triệu đồng;
- Huy động khác: 2.149,1 triệu đồng.

2.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

2.3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

c) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp

chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh;

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 231.602,3 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 184.018 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 72.452 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 111.566 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 27.603 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 10.868 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 16.735 triệu đồng);

- Huy động khác: 19.981,3 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 7.867,4 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 12.113,9 triệu đồng).

2.3.2 Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Nội dung hỗ trợ

- Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.956,6 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 2.409 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 361,4 triệu đồng;
- Huy động khác: 186,2 triệu đồng.

2.3.3. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;
- Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;
- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

c) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;
- Hỗ trợ giao dịch việc làm;
- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;
- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;
- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 45.400,4 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 39.069 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 12.637 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 26.432 triệu đồng);
- Ngân sách địa phương: 5.860,6 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 1.895,6 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 3.965 triệu đồng);
- Huy động khác: 470,8 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 149,3 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 321,5 triệu đồng).

2.4. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (giai đoạn 2) và các chương trình, đề án, chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 19.392 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 12.120 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 1.818 triệu đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 5.454 triệu đồng.

2.5. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

2.5.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

b) Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Các huyện nghèo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 9.570,1 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 5.348 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 802,2 triệu đồng;

- Huy động khác: 3.419,9 triệu đồng.

2.5.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 9.679,6 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 7.446 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 1.116,8 triệu đồng;
- Huy động khác: 1.116,8 triệu đồng.

2.6. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

2.6.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân

roi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, buôn, tổ dân phố, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Kế hoạch, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo;

- Chi phí quản lý triển khai thực hiện Chương trình.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 27.426 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 21.097 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 3.164,5 triệu đồng;

- Huy động khác: 3.164,5 triệu đồng.

2.6.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu

- Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức

sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 14.556 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 11.197 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 1.679,5 triệu đồng;

- Huy động khác: 1.679,5 triệu đồng.

Tổng hợp, báo cáo kịp thời kết quả thực hiện cho cơ quan Thường trực để tổng hợp báo cáo chung cho UBND tỉnh.

(Đính kèm các bảng phụ lục theo Báo cáo)

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đề xuất Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định./

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các lực lượng vũ trang tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- Chi Cục thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PVPTD;
- Lưu: VT, K13;

**BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MTQG TỈNH BÌNH ĐỊNH**

TRƯỞNG BAN



**Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
Nguyễn Tuấn Thanh**

Phụ lục I

TỔNG HỢP VĂN BẢN CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Đính kèm Báo cáo số 107 /BC-BCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia)

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
1	TỈNH ỦY	1270-TB/TU	Ý kiến kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tại buổi làm việc về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh	10/01/2024	
2		1594-QĐ/TU	Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh	23/10/2024	
3		1742-QĐ/TU	Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc bổ sung thành viên, chức năng, nhiệm vụ Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh	14/02/2025	
4		1821-QĐ/TU	Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh	01/04/2025	
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH				
1		18/NQ-HĐND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022.	20/07/2022	
2		27/NQ-HĐND	Ban hành Chương trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.	20/07/2022	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
3		15/2022/NQ-HĐND	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.	20/07/2022	
4		21/2022/NQ-HĐND	Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	07/09/2022	
5		02/KL-TTHĐND	Kết luận của thường trực HĐND	20/03/2023	
6		03/2023/NQ-HĐND	Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	23/03/2023	
7		03/NQ-HĐND	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023	23/03/2023	
8		16/2023/NQ-HĐND	Quy định một số nội dung và mức chi kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	14/07/2023	
9		17/2023/NQ-HĐND	Ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	14/07/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
10		22/2023/NQ-HĐND	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh	14/07/2023	
11		27/2023/NQ-HĐND	Quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	21/09/2023	Theo ND số 38
12		11/2024/NQ-HĐND	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định	12/07/2024	
13		18/2024/NQ-HĐND	Thí điểm phân cấp cho huyện An Lão trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025	12/07/2024	Thực hiện theo NQ 111 của QH
14		39/2024/NQ-HĐND	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	12/12/2024	
15		64/NQ-HĐND	Ký nộp thư 18 (ký nộp chuyên đề) thông nhất phương án phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024	27/9/2024	Thực hiện theo NQ 111 của QH
16		01/TTHĐND	Thỏa thuận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	09/01/2024	
17		98/NQ-HĐND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025	12/12/2024	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
18		99/NQ-HĐND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025	12/12/2024	
19		41/NQ-HĐND	Về việc phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	28/04/2025	
II	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH				
Văn bản Quy phạm pháp luật					
1		40/2022/QĐ-UBND	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.	03/08/2022	
2		64/2022/QĐ-UBND	Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	21/09/2022	
3		74/2022/QĐ-UBND	Ban hành Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	16/12/2022	
4		92/2022/QĐ-UBND	Ban hành quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	29/12/2022	
5		11/2023/QĐ-UBND	Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025	28/03/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
6		13/2023/QĐ-UBND	Ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	07/04/2023	
7		33/2023/QĐ-UBND	Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Định	26/07/2023	
8		35/2023/QĐ-UBND	Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025	27/07/2023	
9		36/2023/QĐ-UBND	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	27/07/2023	
10		55/2023/QĐ-UBND	Quy định chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	07/09/2023	
11		64/2023/QĐ-UBND	Quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	16/10/2023	
12		31/2024/QĐ-UBND	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định	01/08/2024	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
13		07/2025/QĐ-UBND	Quy định cho vay hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	16/01/2025	
Văn bản hành chính					
1		200/QĐ-UBND	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để tặng quà Tết cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 với tổng số tiền 8.990.000.000 đồng	16/01/2021	
2		215/QĐ-UBND	Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định	19/01/2021	
3		333/QĐ-UBND	Điều chỉnh kinh phí bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện Tuy Phước và thị xã An Nhơn để tặng quà Tết cho hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021	26/01/2021	
4		781/QĐ-UBND	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố, với tổng số tiền 13.467.842.784 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi bốn đồng) để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội năm 2021 theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ	10/03/2021	
5		64/KH-UBND	Kế hoạch khai thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo tỉnh Bình Định năm 2021	04/06/2021	
6		4594/UBND-TH	Tổng hợp, báo cáo nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022	29/07/2022	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
7		3447/QĐ-UBND	Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025	18/08/2021	
8		87/KH-UBND	Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp lâm nghiệp ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh	24/08/2021	
9		190/QĐ-BCĐ	Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025	31/08/2021	
10		15/QĐ-BCĐ	Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025	08/09/2021	
11		198/BC-UBND	Kết quả thực hiện kiến nghị qua giám sát của Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh năm 2020	30/11/2021	
12		119/QĐ-UBND	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 để tặng quà Tết cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần với tổng số tiền 12.544.000.000 đồng	12/01/2022	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
13		196/QĐ-UBND	Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định	18/01/2022	
14		22/BC-UBND	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá huyện nghèo Vân Canh theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ	21/02/2022	
15		23/BC-UBND	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá huyện nghèo An Lão theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ	21/02/2022	
16		24/BC-UBND	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá huyện nghèo Vĩnh Thạnh theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ	21/02/2022	
17		26/TTr-UBND	Về việc kết quả rà soát, đánh giá các huyện nghèo: Vân Canh, Vĩnh Thạnh và An Lão của tỉnh Bình Định theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ	21/02/2022	
18		768/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	11/03/2022	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
19		769/QĐ-UBND	Phân bổ nguồn kinh phí Trung ương bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh	11/03/2022	
20		1011/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí sự nghiệp Tiểu dự án 2 - Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024	28/03/2024	
21		1082/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2025 tại tỉnh Bình Định	04/04/2022	
22		1877/QĐ-UBND	Về việc Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	13/06/2022	
23		10/BC-TTHĐND	Kết quả giám sát: "Việc thực hiện Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh về ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020"	16/06/2022	
24		1971/QĐ-UBND	Về việc Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (lĩnh vực giảm nghèo bền vững)	21/06/2022	
25		2336/QĐ-UBND	Phê duyệt kèm theo Quyết định này là kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh (điều chỉnh, bổ sung QĐ 196)	27/07/2022	
26		185/QĐ-BCĐCTMTQG	Ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	29/07/2022	
27		2410/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.	03/08/2022	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
28		2479/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022.	09/08/2022	
29		115/KH-UBND	Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh	12/08/2022	
30		2654/QĐ-UBND	Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	18/08/2022	
31		2655/QĐ-UBND	Kế hoạch truyền thông về giảm nghèo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	18/08/2022	
32		13/CT-UBND	Tăng cường triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh	24/08/2022	
33		2848/QĐ-UBND	Thay thế thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025	31/08/2022	
34		2849/QĐ-UBND	Thay thế thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025	31/08/2022	
35		3336/QĐ-UBND	Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	08/09/2023	
36		3340/QĐ-UBND	Ban hành “Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	09/09/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
37		3015/QĐ-UBND	Phân bổ vốn sự nghiệp Trung ương thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh	17/09/2022	
38		5527/UBND-VX	Triển khai thực hiện Tiểu dự án “Hỗ trợ việc làm bền vững” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh	23/09/2022	
39		134/KH-UBND	Triển khai công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022	03/10/2022	
40		3300/QĐ-UBND	Thay thế thành viên Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (Lĩnh vực giảm nghèo bền vững)	10/10/2022	
41		3299/QĐ-UBND	Thay thế thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025	10/10/2022	
42		5852/UBND-KT	Triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	10/10/2022	
43		3327/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	12/10/2022	
44		6000/UBND-KT	Triển khai tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	14/10/2022	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
45		3428/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch thực hiện hoạt động Giảm nghèo về thông tin; Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022 và giai đoạn 2021-2025	21/10/2022	
46		6162/UBND-TH	về việc áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	24/10/2022	Cho cơ chế tạm thời để thực hiện năm 2022, khi chưa trình HĐND ban hành định mức
47		3494/QĐ-UBND	Phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	28/10/2022	
48		157/KH-UBND	Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị lại phía sau" giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh	07/11/2022	
49		7075/UBND-VX	Áp dụng tạm thời mức hỗ trợ theo Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh để thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	23/11/2022	
50		4024/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện An Lão thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	02/12/2022	
51		7703/UBND-TH	Phân bổ kinh phí bổ sung mục tiêu năm 2023	19/12/2022	
52		4279/QĐ-UBND	Phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023	19/12/2022	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
53		7834/UBND-VX	Chuyển kinh phí thăm tặng quà Tết cho hộ nghèo cho các địa phương để thực hiện	23/12/2022	
54		4383/QĐ-UBND	Phân rã chi tiết vốn đầu tư phát triển của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn và Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	27/12/2022	
55		19/QĐ-UBND	Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH và giải pháp chủ yếu nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 trên địa bàn tỉnh	04/01/2023	
56		41/QĐ-UBND	Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	06/01/2023	
57		02/QĐ-UBND	Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định	06/01/2023	
58		792/UBND-TH	Đẩy mạnh triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia	20/02/2023	
59		522/QĐ-UBND	Về việc ban hành chương trình công tác trọng tâm năm 2023	24/02/2023	
60		54/TB-UBND	Kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	28/02/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
61		627/QĐ-UBND	Ban hành danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	03/03/2023	
62		632/QĐ-UBND	Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023	05/03/2023	
63		1290/UBND-VX	Kế hoạch hỗ trợ huyện nghèo An Lão thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025	10/03/2023	
64		1341/UBND-VX	Thực hiện Kế hoạch hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 và giải ngân vốn đầu tư công	14/03/2023	
65		38/BC-UBND	Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	20/03/2023	
66		842/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 và Tiểu dự án 2, Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh	21/03/2023	
67		1588/UBND-VX	V/v tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023	22/03/2023	
68		83/TB-UBND	Ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại buổi làm việc với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về giải pháp thực hiện giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh	21/03/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
69		881/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh (vốn sự nghiệp)	23/03/2023	
70		31/QĐ-BCĐCTMTQG	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	24/03/2023	
71		235/GM-UBND	Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	27/03/2023	
72		1747/UBND-KT	Triển khai một số ý kiến chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với BTV huyện ủy An Lão	28/03/2023	
73		11/2023/QĐ-UBND	Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025	28/03/2023	
74		958/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023	30/03/2023	ĐC QĐ 4279
75		957/QĐ-UBND	Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023	30/03/2023	
76		970/QĐ-UBND	Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho 21 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	31/03/2023	
77		1948/UBND-VX	Đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	05/04/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
78		1079/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 và Tiểu dự án 2, Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh	07/04/2023	
79		42/QĐ-BCĐCTMTQG	Về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	11/04/2023	
80		1137/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	11/04/2023	
81		1143/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 và Tiểu dự án 3 của Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	12/04/2023	
82		74/KH-UBND	Thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 đối với huyện An Lão, tỉnh Bình Định	13/04/2023	
83		1525/QĐ-UBND	Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023	05/05/2023	
84		2522/QĐ-UBND	Về việc phân bổ vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023	11/07/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
85		2774/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025	26/07/2023	Phụ lục 4
86		2918/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện An Lão thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	04/08/2023	Điều chỉnh, bổ sung QĐ 4024
87		3078/QĐ-UBND	Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Tiểu dự án 3 - Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh	18/08/2023	
88		3267/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 và năm 2023	01/09/2023	Điều chỉnh xong Tiểu dự án 3-DA 4 (VLBV)
89		166/TTr-UBND	Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	18/09/2023	
90		6776/UBND-VX	Tổ chức triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	18/09/2023	
91		3818/QĐ-UBND	Thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	17/10/2023	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
92		3676/QĐ-SLĐTBXH	Về việc thành lập Tổ công tác giúp việc cho Hội đồng thẩm định và phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG GNBV trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	25/10/2023	
93		4080/QĐ-UBND	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 và năm 2023	04/11/2023	
94		4565/QĐ-UBND	Về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024	08/12/2023	2024
95		130/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	11/01/2024	
96		539/QĐ-UBND	Ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm 2024	07/02/2024	
97		589/QĐ-UBND	Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024	22/02/2024	
98		590/QĐ-UBND	Phân rã chi tiết vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (Tiểu dự án 2 của Dự án 10); Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2023 (Tiểu dự án 3 của Dự án 4	22/02/2024	
99		611/QĐ-UBND	Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024	23/02/2024	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
100		667/QĐ-UBND	Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chi chuyển nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại năm 2023 sang năm 2024 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	28/02/2024	
101		81/TB-UBND	Ý kiến kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc về giải pháp giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh	05/03/2024	
102		816/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	11/03/2024	
103		50/KH-UBND	Tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2021-2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	11/03/2024	
104		845/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí sự nghiệp Tiểu dự án 1 - Dự án 6 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024	13/03/2024	
105		3257/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn giai đoạn 2021-2025	15/03/2024	
106		112/TB-UBND	Ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại buổi làm việc về triển khai thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến	20/03/2024	
107		121/TB-UBND	Kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh 03 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	27/03/2024	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
108		989/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 (vốn TW và đối ứng của tỉnh cho các CTMTQG năm 2024)	27/03/2024	
109		1011/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí sự nghiệp Tiểu dự án 2 - Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024	28/03/2024	
110		2178/UBND-VX	điều chỉnh, bổ sung giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các huyện, thị xã, thành phố năm 2024	04/04/2024	
111		140/TB-UBND	Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại Hội nghị đánh giá tình hình KT-XH quý I và nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2024	08/04/2024	
112		1249/QĐ-UBND	Về việc ban hành sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	09/04/2024	
113		78/KH-UBND	Kế hoạch thực hiện hoạt động Giảm nghèo về thông tin; Kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024	12/04/2024	
114		1274/QĐ-UBND	Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 và 2 - Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024	17/04/2024	
115		1393/QĐ-UBND	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ các dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	20/04/2024	
116		2943/UBND-VX	Tổ chức Hội nghị triển khai công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024-2025	22/04/2024	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
117		1528/QĐ-UBND	Về việc tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2023	02/05/2024	
118		1852/QĐ-UBND	Kéo dài kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 kéo dài và năm 2023 sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh	24/05/2024	
119		117/KH-UBND	Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024 - 2025	04/06/2024	
120		81/QĐ-BCĐCTMTQG	Ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	06/06/2024	
121		2637/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024	22/07/2024	
122		2647/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025	23/07/2024	
123		3216/QĐ-UBND	Điều chỉnh dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024	11/09/2024	
124		3466/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024	04/10/2024	Điều chỉnh theo NQ 111 của QH
125		3488/QĐ-UBND	Điều chỉnh chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024	07/10/2024	Điều chỉnh theo NQ 111 của QH
126		4339/QĐ-UBND	Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025	17/12/2024	
127		4365/QĐ-UBND	Về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025	18/12/2024	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
128		4364/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025	18/12/2024	
129		216/KH-UBND	Triển khai xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh	27/12/2024	
130		4491/QĐ-UBND	Điều chỉnh, bổ sung Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	27/12/2024	
131		218/QĐ-UBND	Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2025	16/01/2025	
132		21/KH-UBND	Phân kỳ thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ.	23/01/2025	
133		619/UBND-KT	Chủ trương sử dụng ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở.	23/01/2025	
134		811/UBND-KT	Về việc triển khai đồng loạt Lễ khởi công xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh. Theo đó, vào lúc 8 giờ ngày 09/2/2025 11/11 huyện, thị xã, thành phố trên toàn tỉnh tổ chức đồng loạt Lễ Phát động khởi công xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn	06/02/2025	
135		583/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện An Lão thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	20/02/2025	
136		725/QĐ-UBND	Về việc kéo dài kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022, 2023 kéo dài và năm 2024 sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh	04/03/2025	

TT	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	Ký hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ký ban hành	Ghi chú
137		744/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4491/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.	07/3/2025	
138		1040/QĐ-UBND	Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	26/03/2025	
139		1110/QĐ-UBND	Về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị khối tỉnh khi thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước	01/04/2025	
140		1128/QĐ-UBND	Về việc điều chỉnh Chủ đầu tư các dự án đầu tư công do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc UBND tỉnh	02/04/2025	
141		1215/QĐ-UBND	Sửa đổi mục VI Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	09/04/2025	
142		2902/UBND-TH	V/v bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025	11/04/2025	
143		1486/QĐ-UBND	điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4491/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	29/04/2025	
144		1562/QĐ-UBND	Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	07/05/2025	

